**PHIẾU TÓM TẮT THÔNG TIN ĐIỀU TRỊ**

BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

**KHOA MẮT**

**BỆNH ĐỤC THỦY TINH THỂ**

1. **Bệnh đục thủy tinh thể là gì?**

****

* Là tình trạng mờ đục của thủy tinh thể (một thấu kính tự nhiên trong suốt nằm phía sau mống mắt (còn gọi là tròng đen), giúp ta nhìn rõ được các sự vật. Đục thủy tinh thể là nguyên nhân gây mù hàng đầu tại nước ta.
1. **Triệu chứng**



* Nhìn mờ (lớp sương mù).
* Chói sáng.
* Song thị một mắt (nhìn 1 thành 2).
* Không đau nhức.
1. **Phân loại**



* Do tuổi già.
* Do bệnh lý: đái tháo đường, dùng thuốc kháng viêm corticosteroids, các bệnh lý chuyển hóa (hội chứng Lowe, galactose huyết..), các bệnh hệ thống..
* Do chấn thương.
* Bẩm sinh.



1. **Chẩn đoán**
2. Bắt buộc
* Bệnh đục thủy tinh thể được chẩn đoán xác định qua thăm khám lâm sàng.

b. Theo chỉ định

* Các xét nghiệm tiền phẫu chuẩn bị phẫu thuật đục thủy tinh thể.

1. **Điều trị**



1. Không dùng thuốc
* Bệnh nhân có thể đeo kính ở giai đoạn đầu của đục thủy tinh thể.
* Khi đục thủy tinh thể nhiều hơn (cườm chín) kính đeo sẽ không còn tác dụng.

b. Có dùng thuốc

* Không có thuốc nhỏ nào có thể điều trị hết đục thủy tinh thể.

1. **Cận lâm sàng nhằm kiểm tra, đánh giá**
2. Trong điều trị
* Đo thị lực.
* Đo nhãn áp
* Đếm tế bào nội mô giác mạc: kiểm tra số lượng tế bào ở giác mạc của mắt thông qua một loại máy soi mắt đặc biệt không gây đau.

b. Sau điều trị

* Đo thị lực
* Đo nhãn áp





1. **Biến chứng**
2. Cấp tính
* Viêm màng bồ đào.
* Tăng nhãn áp.

b. Mạn tính

* Thay đổi khúc xạ.
* Mù lòa
1. **Chế độ dinh dưỡng**
* Không có chế độ ăn riêng biệt cho bệnh nhân đục thủy tinh thể, ngoại trừ bệnh nhân có kèm theo các bệnh lý toàn thân như đái tháo đường, cao huyết áp…



1. **Tái khám**
* Lần 1: ngay sau mổ.
* Lần 2: sau mổ 7 ngày để loại trừ các biến chứng: xuất huyết tiền phòng, viêm mủ nội nhãn, viêm màng bồ đào…



1. **Cách phòng tránh**
* Chế độ ăn giàu các chất chống oxy hóa.
* Tránh nắng tốt (đeo kính râm).
* Dụng cụ bảo hộ lao động phòng tránh chấn thương.

